BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2017-2018 (DANH SÁCH THI LẦN 1)
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

PHÒNG THI SỐ: 1 Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu KH**
Địa điểm: **401 - A1** Ngày thi: **07/03/2018** Ca thi **2**(09:00-11:00)

TT	SBD	Phách	Điểm	Mã SV	Họ và tên	Số đề	Ngày sinh	Lớp	Số tờ	Ký nộp
1	**1**			68DCKX20003	NGÔ TIẾN ANH		05/06/1999	68DCKX21		
2	**2**			68DCKX20007	NGUYỄN TUẤN ANH		28/07/1999	68DCKX21		
3	**3**			68DCKX20004	PHẠM THỊ MAI ANH		10/10/1999	68DCKX21		
4	**4**			68DCKX20009	NGUYỄN THỊ ÁNH		19/11/1999	68DCKX21		
5	**5**			68DCKX20011	PHẠM TUẤN BẢO		22/06/1999	68DCKX21		
6	**6**			68DCKX20015	NGÔ LINH CHI		27/08/1999	68DCKX21		
7	**7**			68DCKX20013	ĐỖ ĐỨC CẢNH		30/03/1999	68DCKX21		
8	**8**			68DCKX20024	SÁI THỊ THU HIỀN		27/06/1999	68DCKX21		
9	**9**			68DCKX20028	VŨ THỊ HỒNG		20/12/1999	68DCKX21		
10	**10**			68DCKX20025	TRẦN THỊ HOA		01/01/1999	68DCKX21		
11	**11**			68DCKX20030	PHẠM BẢO HÙNG		17/03/1999	68DCKX21		
12	**12**			68DCKX20032	ĐỖ QUANG HUY		18/03/1999	68DCKX21		
13	**13**			68DCKX20031	TRẦN THỊ THU HƯƠNG		14/08/1999	68DCKX21		
14	**14**			68DCKX20033	ĐỖ THỊ THÚY KIỀU		04/07/1999	68DCKX21		
15	**15**			68DCKX20034	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN		15/12/1999	68DCKX21		
16	**16**			68DCKX20035	ĐINH THÙY LINH		18/06/1999	68DCKX21		
17	**17**			68DCKX20036	HOÀNG DIỆU LINH		20/06/1999	68DCKX21		
18	**18**			68DCKX20037	HOÀNG TRẦN DUY LONG		26/08/1999	68DCKX21		
19	**19**			68DCKX20038	LÊ THỊ MAI		03/11/1999	68DCKX21		
20	**20**			68DCKX20041	LÊ THỊ HỒNG NGÁT		29/09/1999	68DCKX21		
21	**21**			68DCKX20042	ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC		20/10/1998	68DCKX21		
22	**22**			68DCKX20044	BÙI THỊ TUYẾT NHUNG		27/08/1999	68DCKX21		
23	**23**			68DCKX20043	NGUYỄN THỊ NHUNG		23/09/1999	68DCKX21		
24	**24**			68DCKX20045	NGUYỄN TRẦN GIA NINH		17/09/1999	68DCKX21		
25	**25**			68DCKX23141	VƯƠNG THỊ KHÁNH NINH		20/06/1999	68DCKX21		
26	**26**			68DCKX40001	BÙI VĂN QUANG		25/01/1995	68DCKX21		
27	**27**			68DCKX20048	NGUYỄN ANH QUÂN		10/04/1999	68DCKX21		
28	**28**			68DCKX20049	ĐOÀN THỊ THÚY QUỲNH		10/05/1999	68DCKX21		
29	**29**			68DCKX20050	NGUYỄN ANH SƠN		01/12/1999	68DCKX21		
30	**30**			68DCKX20051	TRẦN TRUNG THÁI		02/09/1999	68DCKX21		

Danh sách gồm 30 sinh viên Số bài..... Số tờ.....

TRƯỞNG BỘ MÔN GIÁM THỊ 1 GIÁM THỊ 2 GV CHẤM THI 1 GV CHẤM THI 2

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2017-2018 (DANH SÁCH THI LẦN 1)
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

PHÒNG THI SỐ: 1 Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu KH**
Địa điểm: **402 - A1** Ngày thi: **07/03/2018** Ca thi **2**(09:00-11:00)

TT	SBD	Phách	Điểm	Mã SV	Họ và tên	Số đề	Ngày sinh	Lớp	Số tờ	Ký nộp
1	**31**			68DCKX10001	ĐỖ THỊ NGỌC BÍCH		12/12/1999	68DCKX11		
2	**32**			68DCKX10003	NGUYỄN THU HIỀN		28/11/1999	68DCKX11		
3	**33**			68DCKX10004	NGUYỄN KẾ HÙNG		26/08/1999	68DCKX11		
4	**34**			68DCKX10005	NGUYỄN QUANG HUY		14/01/1999	68DCKX11		
5	**35**			68DCKX10007	HOÀNG THANH HUYỀN		02/06/1999	68DCKX11		
6	**36**			68DCKX10006	KHIẾU THỊ CẨM HUYỀN		21/06/1999	68DCKX11		
7	**37**			68DCKX11001	ĐÀO XUÂN KHÁNH		22/01/1999	68DCKX11		
8	**38**			68DCKX12001	ĐỖ TÙNG LÂM		22/01/1999	68DCKX11		
9	**39**			68DCKX10104	NGUYỄN ĐẮC NHẬT MINH		16/09/1999	68DCKX11		
10	**40**			68DCKX10008	ĐINH HÀ THU		19/10/1999	68DCKX11		
11	**41**			68DCKX10042	CAO ĐẮC TUẤN		25/05/1999	68DCKX11		
12	**42**			68DCKX20053	HOÀNG ĐỨC THIỆN		02/03/1999	68DCKX21		
13	**43**			68DCKX20054	VŨ ĐỨC THÔNG		27/11/1999	68DCKX21		
14	**44**			68DCKX20055	TRẦN THỊ PHƯƠNG THƯ		24/09/1999	68DCKX21		
15	**45**			68DCKX20056	VŨ THỊ THƯƠNG		30/03/1999	68DCKX21		
16	**46**			68DCKX20062	ĐÀO THỊ TRANG		17/06/1999	68DCKX21		
17	**47**			68DCKX20064	NGUYỄN THỊ TRANG		10/06/1999	68DCKX21		
18	**48**			68DCKX20060	NGUYỄN THỊ TRANG		16/06/1999	68DCKX21		
19	**49**			68DCKX20063	NGUYỄN THU TRANG		06/11/1999	68DCKX21		
20	**50**			68DCKX20070	TRẦN THANH TÙNG		21/11/1999	68DCKX21		
21	**51**			68DCKX20058	HỒ THANH THỦY		03/09/1999	68DCKX22		
22	**52**			68DCKX20059	NGUYỄN LÊ THU TRANG		15/05/1999	68DCKX22		
23	**53**			68DCKX20061	TRẦN THỊ QUỲNH TRANG		02/11/1999	68DCKX22		
24	**54**			68DCKX20065	ĐẬU LÊ TRUNG		19/04/1997	68DCKX22		
25	**55**			68DCKX20067	PHẠM NGỌC TÚ		11/07/1999	68DCKX22		
26	**56**			68DCKX20066	TRẦN THANH TÚ		05/12/1999	68DCKX22		
27	**57**			68DCKX20068	LÊ VĂN TUẤN		10/10/1998	68DCKX22		
28	**58**			68DCKX20069	NGUYỄN ĐĂNG TÙNG		25/09/1999	68DCKX22		
29	**59**			68DCKX20071	NGUYỄN THỊ VÂN		12/09/1999	68DCKX22		

Danh sách gồm 29 sinh viên Số bài..... Số tờ.....

TRƯỞNG BỘ MÔN GIÁM THỊ 1 GIÁM THỊ 2 GV CHẤM THI 1 GV CHẤM THI 2

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT

DANH SÁCH PHÒNG THI HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2017-2018 (DANH SÁCH THI LẦN 1)
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

PHÒNG THI SỐ: 1 Môn thi: **Phương pháp nghiên cứu KH**
Địa điểm: **403 - A1** Ngày thi: **07/03/2018** Ca thi **2**(09:00-11:00)

TT	SBD	Phách	Điểm	Mã SV	Họ và tên	Số đề	Ngày sinh	Lớp	Số tờ	Ký nộp
1	**60**			68DCKX20002	NGUYỄN HOÀNG ANH		20/10/1999	68DCKX22		
2	**61**			68DCKX20006	PHẠM NGỌC ANH		06/10/1998	68DCKX22		
3	**62**			68DCKX20005	TRẦN ĐỨC ANH		29/12/1999	68DCKX22		
4	**63**			68DCKX20008	LÊ THỊ ÁNH		18/09/1999	68DCKX22		
5	**64**			68DCKX20073	NGUYỄN THỊ NGUYỆT ÁNH		06/05/1999	68DCKX22		
6	**65**			68DCKX20010	CAO XUÂN BÁCH		12/10/1999	68DCKX22		
7	**66**			68DCKX20012	NGUYỄN THỊ BÍCH		22/02/1998	68DCKX22		
8	**67**			68DCKX20014	HÀ THẢO CHI		25/12/1999	68DCKX22		
9	**68**			68DCKX20016	TRẦN XUÂN CHÍNH		21/06/1999	68DCKX22		
10	**69**			68DCKX20017	TRẦN THỊ DIỄM		30/05/1999	68DCKX22		
11	**70**			68DCKX20018	NGUYỄN THÙY DƯƠNG		05/01/1999	68DCKX22		
12	**71**			68DCKX20019	LÊ MINH ĐỨC		06/09/1999	68DCKX22		
13	**72**			68DCKX21002	NGUYỄN VĂN ĐẠT		03/07/1998	68DCKX22		
14	**73**			68DCKX21412	LÊ TUẤN THÁI HÀ		05/06/1997	68DCKX22		
15	**74**			68DCKX20020	ĐÀM THỊ HẰNG		11/03/1999	68DCKX22		
16	**75**			68DCKX20021	HỒ THỊ THÚY HẰNG		15/01/1999	68DCKX22		
17	**76**			68DCKX20022	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG		02/01/1999	68DCKX22		
18	**77**			68DCKX20023	LÊ THỊ THÚY HẠNH		02/02/1999	68DCKX22		
19	**78**			68DCKX20026	PHẠM VĂN HÒA		25/03/1999	68DCKX22		
20	**79**			68DCKX20027	ĐINH XUÂN HOÀNG		19/09/1999	68DCKX22		
21	**80**			68DCKX20029	PHẠM BÁ HUẤN		01/03/1999	68DCKX22		
22	**81**			68DCKX21068	NGUYỄN ĐẮC KHÁNH		23/02/1997	68DCKX22		
23	**82**			68DCKX22000	NGUYỄN MẠNH LINH		16/12/1994	68DCKX22		
24	**83**			68DCKX20039	PHAN THỊ HỒNG MY		21/03/1998	68DCKX22		
25	**84**			68DCKX20040	LƯƠNG THỊ NGA		28/06/1999	68DCKX22		
26	**85**			68DCKX21421	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG		21/05/1999	68DCKX22		
27	**86**			68DCKX20046	NGUYỄN VĂN PHONG		23/07/1998	68DCKX22		
28	**87**			68DCKX20047	VŨ THU PHƯƠNG		16/08/1999	68DCKX22		
29	**88**			68DCKX20052	TRẦN QUỐC THÁI		25/05/1999	68DCKX22		
30	**89**			68DCKX20057	TẠ THỊ BÍCH THÙY		09/03/1998	68DCKX22		

Danh sách gồm 30 sinh viên Số bài..... Số tờ.....

TRƯỞNG BỘ MÔN GIÁM THỊ 1 GIÁM THỊ 2 GV CHẤM THI 1 GV CHẤM THI 2